TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24/9/2025
(V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CÀ MAU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Hải Đăng
Các hội thẩm nhân dân:
1/. Ông Nguyễn Minh Hoàng
2/. Ông Nguyễn Văn Tâm

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Mộng Nghi – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau tham gia phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thúy Duy, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 70/2025/TLST - HN ngày 14 tháng 7 năm 2025 về việc "tranh chấp xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1/. Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1988;

Tổ 27, Năm Trại T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (nay là Tổ B, Năm T T, Phường L, tỉnh Tây Ninh)

2/. Bị đơn: anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1988

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (nay là Ấp H, xã L, tỉnh Cà Mau)

(Chị P, anh T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 10/6/2025 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng cưới nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 22/8/2019 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã L, tỉnh Cà Mau) và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn theo Chị P xác định: thời gian đầu sống chung với nhau thì cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc. Nhưng thời gian sau cuộc sống của vợ chồng ngày càng căng thẳng, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan

điểm. Vợ chồng anh chị đã ly thân một thời gian, tuy nhiên trong thời gian này cả hai đều không liên lạc, quan tâm thăm hỏi nhau. Nay xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài nên chị yêu cầu ly hôn.

Về quan hệ con chung: chị Nguyễn Thị P xác định thời gian chung sống vợ chồng anh chị có 01 người con chung tên Nguyễn Duy A, sinh ngày: 22/7/2020. Khi ly hôn, Chị P yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị P xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Văn T: Mặc dù anh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh T vẫn không đến Tòa án để làm việc theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án, và cũng không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án sẽ tiến hành giải quyết vắng mặt đối với anh T theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn T chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: giữa chị P và anh T kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nhưng do thời gian chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được, cuộc sống chung đã không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị P được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định của pháp luật;

Về con chung: Chị P và anh T thống nhất xác định thời gian chung sống vợ chồng anh chị có 01 người con chung tên Nguyễn Duy A, sinh ngày: 22/7/2020. Từ khi ly thân đến nay, con chung sống với chị N, chị N vẫn đảm bảo về điều kiện nuôi con và sự phát triển của con sau này. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giao người 01 người con chung tên Nguyễn Duy A, sinh ngày: 22/7/2020 cho chị P được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị P và anh T không yêu cầu đặt ra xem xét nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị P và anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không đặt ra yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí thì Chị P phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị P có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với anh T. Anh T1 có địa chỉ cư trú tại xã L, tỉnh Cà Mau. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Khu vực 8 – Cà Mau.

Chị P có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với Chị P và anh T1.

Anh T1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng anh T1 vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T1.

[2] Về nội dung vụ án: giữa Chị P và anh T1 kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đã được Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (nay là xã L, tỉnh Cà Mau) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 22/8/2019 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của Chị P đối với anh T1 thì Hội đồng xét xử thấy rằng: mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, giúp đỡ nhau cùng nhau tiến bộ. Nhưng thời gian chung sống Chị P và anh T1 lại không làm được, mà còn phát sinh nhiều mẫu thuẫn không thể hàn gắn lại được. Anh chị cũng đã ly thân trong nhiều tháng qua. Trong thời gian này cả hai anh chị đều không có biện pháp cụ thể nào để thể hiện anh chị muốn hàn gắn lại với nhau, anh chị không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Điều này chứng tỏ cuộc sống vợ chồng của Chị P và anh T1 là không thể hàn gắn lại được, cuộc sống chung đã không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P đối với anh T1 6à hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật

[3] Về nuôi con chung: Từ lúc chị P và anh T1 ly thân thì người con là Nguyễn Duy A, sinh ngày: 22/7/2020 sống cùng với chị P đến nay. Chị P vẫn đảm bảo về điều kiện nuôi con và sự phát triển của con sau này. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao người con là Nguyễn Duy A, sinh ngày: 22/7/2020 cho chị P được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị P và T1 không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị P và anh T1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận,

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 58, 81,82,83, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2024/NQ – HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P; Xử cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Văn T

2/. Về nuôi con chung: giao người con là Nguyễn Duy A, sinh ngày: 22/7/2020 cho chị P được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục. Con đang sống với chị P được giữ nguyên.

Anh T1 có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở

Về cấp dưỡng nuôi con: chị P và T1 không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3/. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình: chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011592 ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Phòng thi hành án dân sự Khu vực 8 – Cà Mau.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn T biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 8;
- Phòng THADS Khu vực 8;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

Lưu Hải Đăng